

Số: /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển
đô thị Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị; số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; số 26/2022/UBTVQH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị; số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/1/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 phê duyệt điều chỉnh Định hướng phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050; số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị quốc gia giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị; số 12/2017/TT-BXD ngày 30/11/2017 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí liên quan đến đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 16-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ các văn bản của Bộ Xây dựng: số 269/BXD-PTĐT ngày 31/01/2023 về việc đề nghị bổ sung làm rõ hồ sơ Chương trình phát triển đô thị và Đề án phân loại đô thị Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đạt tiêu chí đô thị loại IV; số 509/BXD-PTĐT ngày 16/2/2023 về việc cho ý kiến về Chương trình phát triển đô thị Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đến năm 2030;

Theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 1436/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 3064/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung đô thị Kim Bảng vào chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 2025/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 về việc phê duyệt quy hoạch chung đô thị Kim Bảng đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; số 497/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 về việc phê duyệt Đề cương Chương trình phát triển đô thị Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đến năm 2030;

Căn cứ Kết luận của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh tại Hội nghị Giao ban Ủy ban tuần 15/2023 ngày 06 tháng 4 năm 2023 (tại Thông báo số 1175/TB-VPUB ngày 07/4/2023 của Văn phòng UBND tỉnh);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 679/TTr-SXD ngày 30/3/2023, kèm theo Báo cáo thẩm định số 678/BC-BXD ngày 29/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị

a) Quan điểm:

- Tuân thủ Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng được duyệt; phù hợp với Chương trình phát triển đô thị quốc gia và Chương trình phát triển đô thị của tỉnh. Đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết 06) và Chương trình hành động số 53-CTr/TU ngày 20/5/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06.

- Chương trình phát triển đô thị phải được tích hợp các yêu cầu về phát triển bền vững, phát triển xanh, tiết kiệm năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng thời phối hợp lồng ghép có hiệu quả với các chương trình, kế hoạch, dự án, đã và đang thực hiện trên địa bàn.

- Huy động nguồn lực và phát huy sức mạnh tổng hợp của cộng đồng xã hội tham gia vào công tác phát triển đô thị. Phát huy thế mạnh của khoa học công nghệ trong nghiên cứu ứng dụng phục vụ quản lý và phát triển đô thị.

b) Mục tiêu:

- Cụ thể hóa định hướng Nghị quyết số 16-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-

2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam đến năm 2030 và Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, từng bước xây dựng và phát triển đô thị Kim Bảng là đô thị trọng điểm phát triển kinh tế- xã hội phía Tây của tỉnh gắn với Khu du lịch trọng điểm quốc gia Tam Chúc, các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối phía Nam thủ đô Hà Nội và Khu công nghiệp tập trung quy mô lớn của tỉnh.

- Làm cơ sở cho việc phân loại đô thị, lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị; xác định lộ trình đầu tư phát triển đô thị, các khu vực ưu tiên đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch cho từng giai đoạn 5 năm và hàng năm; triển khai các giải pháp và nhiệm vụ thực hiện cho từng giai đoạn nhằm hoàn thiện cơ chế chính sách, thu hút nguồn vốn và huy động các nguồn lực đầu tư vào mục tiêu xây dựng đô thị đạt các chỉ tiêu cho từng giai đoạn 5 năm tới năm 2030 và hàng năm cho giai đoạn 2022-2025.

- Phân đầu được công nhận là đô thị loại IV và trở thành thị xã trước năm 2025, đến năm 2030 cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại III; là đô thị du lịch, dịch vụ và công nghiệp trọng điểm của tỉnh phát triển theo hướng đô thị xanh, thông minh, hiện đại, có bản sắc và phát triển bền vững.

2. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị theo các giai đoạn

a) Các chỉ tiêu chính phát triển đô thị:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đề xuất	
			2025	2030
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn huyện	%	80	≥80
2	Diện tích sàn nhà ở bình quân khu vực nội thị	m ² /người	29	≥ 32
3	Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố khu vực nội thị	%	100	100
4	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị	%	≥ 16	≥ 16
5	Tỷ lệ dân số khu vực nội thị được cấp nước sạch	%	100	100
6	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/người/ngày đêm	120	125
7	Mật độ đường công thoát nước chính	km/km ²	8	≥ 10
8	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	15	≥ 30
9	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt của đô thị, khu công	%	≥96	100

	nghiệp được thu gom và xử lý			
10	Tỷ lệ chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường	%	100	100
11	Tỷ lệ chiếu sáng đường chính	%	100	100
12	Tỷ lệ chiếu sáng ngõ hẻm	%	80	100
13	Diện tích đất cây xanh toàn đô thị	m ² /người	10	≥10
14	Đất xây xanh công cộng khu vực nội thị	m ² /người	5	≥8
15	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang	%	80	≥80

b) Một số tiêu chuẩn cần khắc phục so với tiêu chuẩn đô thị loại IV:

- 08 tiêu chí chưa đạt cần tập trung khắc phục: Mật độ dân số toàn đô thị; Cơ sở y tế cấp đô thị (số giường) bình quân trên 10.000 dân; Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật; Nhà tang lễ; Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người; Quy chế quản lý kiến trúc đô thị (quy định các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế); Công trình xanh (được cấp giấy chứng nhận); Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị.

- 01 tiêu chí đã đạt nhưng còn ở mức thấp: Công trình kiến trúc tiêu biểu.

c) Một số chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh cần được quan tâm đầu tư: Diện tích mặt nước tự nhiên đô thị suy giảm; Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng; Tỷ lệ đường giao thông dành riêng cho xe đạp; Số lượng không gian công cộng; Diện tích đất cây xanh công cộng bình quân đầu người khu vực nội thị.

3. Danh mục và lộ trình đầu tư các khu vực phát triển đô thị:

a) Xác định các khu vực phát triển đô thị:

- Khu số 1 - Khu trung tâm đô thị Kim Bảng

+ Diện tích: 1.324ha.

+ Vị trí thuộc địa bàn: thị trấn Quế và các xã: Thụy Lôi, Ngọc Sơn, Đồng Hóa, Văn Xá.

+ Chức năng: trung tâm hành chính - chính trị; văn hóa, TDTT; Trung tâm thương mại, dịch vụ, phục vụ du lịch; Trung tâm giáo dục, đào tạo; Công viên, vườn hoa, cây xanh, kênh, hồ nước; Khu đô thị mới; Khu dân cư hiện trạng cải tạo; dân cư hiện trạng trong hành lang thoát lũ.

+ Giai đoạn ưu tiên đầu tư: Giai đoạn 2023-2025 ưu tiên phát triển, cải tạo chỉnh trang khu vực trung tâm hiện hữu, các không gian kiến trúc cảnh quan và một phần Khu đô thị mới phía Tây, phía Nam đường VĐ5...

- **Khu số 02** - Khu đô thị - dịch vụ - thương mại (hành lang dịch vụ - thương mại từ sông Nhuệ đến sông Đáy)

+ Diện tích: 1.329ha.

+ Vị trí thuộc địa bàn các xã: Nhật Tân, Nhật Tựu, Hoàng Tây, Đồng Hóa, Đại Cường, Thụy Lôi, Ngọc Sơn, Tân Sơn.

+ Chức năng: khu vực phát triển đô thị - dịch vụ đồng bộ, hiện đại, với hạt nhân là trung tâm hậu cần khu công nghiệp, cung cấp các dịch vụ tiện ích xã hội cho khu công nghiệp và các khu dân cư hiện có.

+ Giai đoạn ưu tiên đầu tư: giai đoạn 2023-2025 đối với khu vực phía Tây đường D1.

- **Khu số 03** - Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Bắc

+ Diện tích: 2.205ha.

+ Vị trí thuộc địa bàn các xã: Nguyễn Úy, Tượng Lĩnh, Tân Sơn, Thụy Lôi, Lê Hồ, Đại Cường, Đồng Hóa, Nhật Tân, Nhật Tựu.

+ Chức năng: khu vực phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ đồng bộ, hiện đại, với dự án trọng điểm là Khu công nghiệp Đồng Văn IV & KCN Kim Bảng 1,2 (sản xuất thân thiện môi trường, công nghệ hiện đại), với sự hỗ trợ của hành lang dịch vụ thương mại từ sông Nhuệ đến sông Đáy (bố trí liền kề ở về phía Nam khu công nghiệp).

+ Giai đoạn ưu tiên đầu tư: giai đoạn 2023-2025 ưu tiên khu vực phát triển công nghiệp – đô thị - dịch vụ gắn với phát triển Khu công nghiệp Đồng Văn IV, Kim Bảng I và gắn với đường nối VĐ4 - VĐ5; giai đoạn 2026-2030 phát triển khu vực công nghiệp - đô thị - dịch vụ gắn với phát triển Khu công nghiệp Kim Bảng II.

- **Khu số 04** - Khu công nghiệp – đô thị - dịch vụ phía Đông

+ Diện tích: 1.008ha.

+ Vị trí thuộc địa bàn các xã: Hoàng Tây, Văn Xá, Nhật Tân, Đồng Hóa.

+ Chức năng: khu vực phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ gắn với dự án xây dựng KCN Kim Bảng 4 là khu công nghiệp công nghệ cao, hiện đại (tận dụng ưu thế về quỹ đất, thị trường lao động & kết nối giao thông); trục đường T3 là một phần không gian quan trọng của khu vực, tổ chức không gian, hạ tầng gắn kết hài hòa với các khu dân cư hiện hữu.

+ Giai đoạn ưu tiên đầu tư: giai đoạn 2023-2025 ưu tiên khu vực phát triển công nghiệp – đô thị - dịch vụ gắn với phát triển đường VĐ5 và đường T3 phía Tây đường tránh QL1A.

- **Khu số 05** - Khu đô thị - du lịch – dịch vụ phía Tây

+ Diện tích: 2.002ha.

+ Vị trí thuộc địa bàn các xã: Nguyễn Úy, Tượng Lĩnh và Tân Sơn.

+ Chức năng: khu vực phát triển đô thị - dịch vụ - du lịch, vui chơi giải trí tập trung, đồng bộ, hiện đại, với dự án sân golf Tượng Lĩnh làm hạt nhân phát

triển cho các khu đô thị mới, tổ chức không gian, hạ tầng gắn kết hài hòa với các khu dân cư hiện hữu.

+ Giai đoạn ưu tiên đầu tư: giai đoạn 2023-2025 ưu tiên khu vực phát triển đô thị - dịch vụ - du lịch, vui chơi giải trí khu vực Tượng Lĩnh và phụ cận; giai đoạn 2026-2030 phát triển khu vực phía Bắc thuộc địa bàn xã Nguyễn Úy và phía Nam xã Tân Sơn.

- **Khu số 06** - Khu du lịch quốc gia Tam Chúc

+ Diện tích: 4.245ha.

+ Vị trí thuộc địa bàn thị trấn Ba Sao và xã Khả Phong.

+ Chức năng: khu du lịch quốc gia với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, sản phẩm du lịch chất lượng cao. Tập trung phát triển 06 chức năng du lịch chính: Khu trung tâm tiếp đón, khu văn hóa tâm linh Tam Chúc, khu bảo tồn tự nhiên Quên Vòng và hồ Tam Chúc, khu nghỉ dưỡng chăm sóc sức khỏe và du lịch cộng đồng Tam Chúc, khu sân golf Kim Bảng và hồ Ba Hang, trung tâm dịch vụ hậu cần phục vụ hoạt động khu du lịch.

+ Giai đoạn ưu tiên: Đây là khu vực trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với tính chất chức năng chuyên biệt, thực hiện theo các chương trình dự án phát triển riêng.

- **Khu số 07** - Khu công nghiệp – đô thị - dịch vụ phía Nam

+ Diện tích: 2.278ha.

+ Vị trí thuộc địa bàn các xã: Thi Sơn, Thanh Sơn và Liên Sơn.

+ Chức năng: khu vực sản xuất, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, bố trí một số khu dịch vụ, khu đô thị, điểm du lịch tại một số khu vực phù hợp.

+ Giai đoạn ưu tiên đầu tư: giai đoạn 2023-2025 ưu tiên phát triển khu vực dịch vụ, đô thị, điểm du lịch phía Bắc, Tây Bắc thuộc xã Liên Sơn, Thi Sơn.

- **Khu số 8** - Khu sinh thái, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ (Khu vực bảo tồn)

+ Diện tích: 3.129ha.

+ Vị trí thuộc địa bàn các xã: Thanh Sơn và Liên Sơn.

+ Chức năng: khu tiếp giáp với Khu du lịch Tam Chúc ở phía Nam (khu vực rừng Kim Bảng), cùng với các khu vực được bảo vệ nghiêm ngặt trong Khu du lịch quốc gia Tam Chúc, nhằm bảo tồn môi trường sống của loài Voọc mông trắng.

b) Lộ trình thực hiện các khu vực phát triển đô thị và khu vực ưu tiên giai đoạn đầu:

- Giai đoạn ưu tiên đến năm 2025:

+ Khu vực nội thị dự kiến: gồm 11 đơn vị hành chính cấp xã (Quế, Ba Sao, Đại Cương, Đồng Hóa, Lê Hồ, Ngọc Sơn, Nhật Tân, Nhật Tựu, Tân Sơn, Thi Sơn, Tượng Lĩnh).

+ Phát triển các khu chức năng thiết yếu và các khu có tính chất động lực như: Khu trung tâm đô thị, các khu đô thị mới, các khu hạ tầng dịch vụ gắn với

phân khu đô thị trung tâm, các phân khu phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ đồng bộ gắn với khu vực nội thị dự kiến.

+ Ưu tiên các khu vực phát triển đô thị có vị trí chiến lược, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực như khu du lịch quốc gia Tam Chúc, khu vực dọc các trục T3, đường kết nối Vành đai 4 - Vành đai 5 Vùng Thủ đô,...

- Giai đoạn đến năm 2030:

+ Khu vực nội thị dự kiến: gồm 16 đơn vị hành chính cấp xã (11 xã, thị trấn giai đoạn 2025 và bổ sung 05 xã Thanh Sơn, Khả Phong, Nguyễn Úy, Thụy Lôì, Văn Xá).

+ Tiếp tục củng cố phát triển khu vực động lực, khu vực trung tâm đô thị; đầu tư phát triển khu vực phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ khu vực nội thị mở rộng và phù hợp với giai đoạn phát triển theo quy hoạch chung đô thị.

(Phạm vi địa giới hành chính các phường nội thị và các xã ngoại thị dự kiến các giai đoạn được thực hiện điều chỉnh phù hợp với yêu cầu quản lý và các quy định của pháp luật liên quan)

4. Danh mục các dự án hạ tầng khung và công trình đầu mối theo từng giai đoạn và nguồn lực thực hiện: Ưu tiên các dự án phát triển hạ tầng kết nối các khu vực phát triển đô thị, hạ tầng thiết yếu (giao thông, cấp nước, cây xanh, thoát nước và xử lý nước thải), công trình công cộng – dịch vụ đô thị *(Phụ lục đính kèm)*.

5. Các giải pháp thực hiện:

a) Về phát triển kinh tế - xã hội

- Triển khai, thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành: Ban hành chương trình xúc tiến đầu tư, danh mục kêu gọi, thu hút đầu tư đối với các dự án trọng điểm, ưu tiên đầu tư.

- Tập trung cao độ cho phát triển công nghiệp - dịch vụ, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đô thị. Tăng cường phát triển hệ thống nhà ở xã hội: nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà ở công nhân.

- Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho phát triển công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ; Tăng cường huy động các nguồn vốn của doanh nghiệp và các tổ chức cho phát triển nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở đào tạo, y tế, thiết chế văn hóa – thể thao.

- Phát triển kinh tế gắn với tăng cường các biện pháp kiểm soát, cải thiện chất lượng môi trường, xử lý nước thải và quản lý chất thải rắn, hình thành hệ thống cây xanh đô thị, khu đô thị xanh nhằm tạo lập hình ảnh đô thị du lịch – dịch vụ và công nghiệp theo hướng bền vững.

b) Về thực hiện quy hoạch và quản lý đô thị

- Tập trung tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng, đảm bảo sự phù hợp với quy hoạch tỉnh và tính đồng bộ, khả thi khi triển khai thực hiện.

- Hoàn thành phủ kín quy hoạch phân khu đô thị và khu chức năng, xây dựng kế hoạch lập quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị làm cơ sở thu hút và quản lý đầu tư xây dựng, quản lý kiến trúc cảnh quan đô thị.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch, hạ tầng đô thị, từng bước quản lý và cung cấp dịch vụ đô thị hướng tới mục tiêu xây dựng đô thị thông minh. Công bố, công khai các đồ án quy hoạch và giám sát thực hiện quy hoạch với sự hỗ trợ của công nghệ và sự tham gia của người dân, doanh nghiệp.

- Lập hồ sơ các khu vực phát triển đô thị mới kết hợp với cải tạo chỉnh trang đô thị hiện hữu, đảm bảo sử dụng hiệu quả hệ thống hạ tầng, hình thành các không gian cảnh quan kiến trúc đô thị, phát triển không gian công cộng đô thị.

c) Về vốn đầu tư phát triển đô thị

- Tiếp tục tăng cường quản lý đầu tư công, trong đó đặc biệt chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước.

- Huy động nguồn vốn từ mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước, đẩy mạnh đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Tham gia chương trình nâng cấp đô thị, chương trình đô thị tiêu biểu Quốc gia,...

- Phát huy hiệu quả từ quỹ đất đô thị, đẩy mạnh đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu các dự án có sử dụng đất tạo nguồn vốn phát triển đô thị.

d) Tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng:

Tổ chức thực hiện Chương trình theo lộ trình; xây dựng kế hoạch hàng năm để tổ chức thực hiện; báo cáo tiến độ thực hiện theo định kỳ hàng năm về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh. Lồng ghép các nội dung của Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm trên địa bàn đặc biệt là các chỉ tiêu phát triển đô thị. Tổ chức lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hồ sơ các khu vực phát triển đô thị ngay sau khi quy hoạch phân khu được duyệt làm cơ sở đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng đô thị.

b) Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các Sở, Ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng thực hiện các quy hoạch, chương trình phát triển đô thị và lập đề án đề nghị phân loại đô thị. Thường xuyên theo dõi việc thực hiện chương trình; kịp thời tham mưu, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung chương trình, kế hoạch, cơ chế thực hiện phù hợp với tình hình thực tế.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng trong việc thu hút đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị từ các nguồn ODA, FDI...

d) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng và các đơn vị liên quan xác định ranh giới khu vực dự kiến thành lập phường theo các quy hoạch đô thị và chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt.

đ) Các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông, Công thương, Giáo dục, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng trong các lĩnh vực quản lý đảm bảo mục tiêu đề ra của Chương trình.

e) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, truyền thông và sức mạnh của các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế, các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, GTXD, TH;
- Lưu: VT, GTXD(T).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Chúc

Phụ lục
Phê duyệt Chương trình phát triển
đô thị Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đến năm 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

1. Giai đoạn 2022-2025

STT	Dự án	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn
I	Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật		
1	Giao thông		
-	Tuyến kết nối với Ứng Hòa, Mỹ Đức (tuyến D5)	366.450	NSTW, NST
-	Trục N3 (đoạn từ đường D7 đến đường tránh QL1)	182.294	NST
-	Trục N7 (đoạn từ đường D7 đến đường tránh QL1)	52.084	NST, NSH
-	Trục D3 (đoạn từ đê Đáy địa phận thị trấn Quế đến đường ĐT498C)	200.523	-Nt-
-	Trục N2 (đoạn từ đường D6 đến cụm công nghiệp Lê Hồ)	104.168	-Nt-
-	Trục D1 (đoạn từ đường VD5 đến đường T3)	146.580	-Nt-
-	Trục D7 (đoạn từ đường VD5 đến đường tránh QL1A)	390.880	-Nt-
-	Đường nối VD4 và VD5	244.300	NSTW, NST
-	Đường tránh QL21 qua thung lũng Lê Chân, xã Thanh Sơn (đường DN)	130.210	-Nt-
-	Đầu tư đường song hành hai bên tuyến đường vành đai 5 vùng thủ đô	586.320	-Nt-
-	Cầu Tân Lang (thuộc tuyến trục D5)	1.771.560	NST,NSH
-	Cầu Thi Sơn (thuộc trục đường D7)	1.181.040	-Nt-
-	Cầu Khả Phong (mở rộng)	30.000	-Nt-
-	Bến xe Khả Phong	15.000	NSH
-	Bến xe Nhật Tân	15.000	-Nt-
-	Bến xe kết hợp trạm dừng nghỉ Ngọc Sơn	25.000	-Nt-
-	Nâng cấp mở rộng các tuyến xe buýt công cộng	10.000	-Nt-
2	Cấp nước		
-	Xây dựng nhà máy cung cấp nước sạch tại xã Tân Sơn (giai đoạn 1)	89.140	XHH
-	Xây dựng nhà máy cấp nước tại xã Ngọc Sơn (giai đoạn 1)	89.140	XHH

-	Xây dựng trạm tăng áp Kim Bảng và hệ thống đường ống truyền tải theo các trục giao thông đô thị	30.000	XHH
3	<i>Cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc</i>		
-	Xây mới các trạm 110kV tại Kim Bảng (tiến độ lắp máy tùy thuộc vào nhu cầu thực tế của từng khu vực)	220.429	XHH
-	Xây dựng mới 02 tuyến 110KV nổi dây dẫn AC185 rẽ nhánh trên tuyến 110KV Phủ Lý - Đồng Văn cấp điện cho trạm 110KV Kim Bảng và trạm 110KV KCN Đồng Văn 4	440.858	-Nt-
-	Xây dựng mới các tuyến 110KV nổi dây dẫn AC185 rẽ nhánh trên tuyến 110KV Phủ Lý - Đồng Văn cấp điện cho các trạm 110KV khu công nghiệp	220.429	-Nt-
-	Đầu tư hệ thống chiếu sáng tại các trục chính đô thị	15.000	NSH
-	Nâng cấp trạm host mới cho toàn khu vực với dung lượng 100.000 lines.	10.000	NST,NSH
4	<i>Thủy lợi</i>		
-	Cải tạo, nâng cấp 02 kênh (kênh I3-2-5 và kênh I3-2)	10.000	NSH
-	Nạo vét, gia cố một số trục kênh tiêu chính như A3-2, A3-4a, A3-2-9, PK, kênh PK10, PK2	5.000	-Nt-
-	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Kim Bình, Hoàng Tây	3.000	-Nt-
-	Xây dựng bổ sung trạm bơm Tân Sơn 2	10.000	-Nt-
5	<i>Nhà máy xử lý nước thải</i>		
-	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại xã Đồng Hóa giai đoạn 1	119.292	XHH
-	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại xã Lê Hồ giai đoạn 1	129.233	-Nt-
-	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại khu vực phía Đông Bắc thị trấn Ba Sao	49.705	-Nt-
6	<i>Nghĩa trang và Nhà tang lễ</i>		
-	Nghĩa trang đô thị tại xã Tượng Lĩnh và các nghĩa trang cụm xã	20.000	NSH
-	Xây dựng 1 nhà tang lễ khoảng 1000 m2 thuộc gần với trung tâm y tế huyện tại thị trấn Quế	5.000	NSH
7	<i>Khu công nghiệp - Cụm CN</i>		
-	CCN Lê Hồ	901.406	NSTW, NST

-	CCN Thi Sơn I	847.441	-Nt-
-	CCN Đồng Hóa	873.605	-Nt-
-	KCN Kim Bảng I	2.193.050	-Nt-
II	Hệ thống công trình hạ tầng xã hội		
1	Công trình văn hóa, thể dục thể thao		
-	Xây dựng tổ hợp thể dục thể thao tại khu đô thị mới phía Tây đường D7	99.750	XHH
-	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao đa năng huyện Kim Bảng	99.750	-Nt-
2	Công viên cây xanh		
-	Công viên cảnh quan và quảng trường đô thị Kim Bảng, xã Ngọc Sơn và TT Quế	30.000	NSH
3	Công trình y tế		
-	Nâng cấp Trung tâm y tế huyện Kim Bảng, quy mô 126 giường bệnh.	191.301	NST,NSH
-	Bệnh viện đa khoa (khoảng 5-7ha)	530.832	NSTW, NST/ XHH
4	Công trình thương mại – dịch vụ		
-	Trung tâm dịch vụ, thương mại dọc trục T3	30.000	XHH
-	Đầu tư xây dựng chợ Đại Cường	40.000	NSH
-	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Chợ Thi Sơn	20.000	-Nt-
5	Công trình giáo dục		
-	Xây dựng mới trường THPT tại xã Lê Hồ (thuộc phân khu 3 theo QHC đô thị Kim Bảng)	42.177	NST,NSH
-	Mở rộng trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	40.000	-Nt-
-	Dự án trường liên cấp tư thục hoặc chất lượng cao	141.380	NSH, XHH
6	Điểm du lịch, vui chơi giải trí		
-	Sân Golf Hoa Sen và khu dịch vụ, vui chơi giải trí xung quanh	200.000	XHH
-	Sân Golf Tượng Lĩnh và khu dịch vụ, vui chơi giải trí xung quanh	3.230.000	XHH
	Tổng cộng	16.428.328	

* Ghi chú: NSTW-Ngân sách trung ương; NST-Ngân sách tỉnh; NSH-Ngân sách huyện; XHH-Xã hội hóa

2. Giai đoạn 2026-2030

STT	Dự án	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn
I	Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật		
1	Giao thông		
-	Đường vành đai 5 vùng Thủ đô	566.776	NSTW, NST
-	Đầu tư xây dựng các tuyến đường, cầu trên tuyến theo Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng	5.000.000	-Nt-
-	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính đô thị	100.000	NST
-	Cải tạo các nút giao thông đô thị	20.000	-Nt-
-	Bến xe Tượng Lĩnh	10.000	NST, XHH
-	Bến xe Liên Sơn (bến xe du lịch)	10.000	-Nt-
-	Mở rộng các bến xe bus, tăng số lượng xe bus	20.000	XHH
-	Xây dựng mới cầu qua sông Đáy: cầu Liên Sơn (trục N5), cầu Chợ Quế (trục D3), cầu Thanh Sơn (trục N7)	250.000	NST, XHH
-	Bến thủy nội địa tại xã Thanh Sơn	10.000	XHH
-	Các bến phục vụ du lịch trên sông Đáy	10.000	-Nt-
2	Cấp nước		
-	Nhà máy cung cấp nước sạch số 2 tại xã Tân Sơn	331.950	XHH
-	Mở rộng, nâng công suất NMN Kim Bình	8.914	-Nt-
-	Mở rộng, nâng công suất NMN Khả Phong	17.828	-Nt-
-	Xây dựng nhà máy cung cấp nước sạch tại xã Tân Sơn (giai đoạn 2)	89.140	-Nt-
-	Xây dựng nhà máy cấp nước tại xã Ngọc Sơn (giai đoạn 2)	89.140	-Nt-
3	Cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc		
-	Xây mới các trạm 110kV tại Kim Bảng (tiền độ lắp máy tùy thuộc vào nhu cầu thực tế của từng khu vực)	220.429	XHH
-	Xây mới lưới điện 22kv (đi ngầm một số tuyến phố khu vực nội thị)	110.215	-Nt-
-	Đầu tư hệ thống chiếu sáng tại các trục đường	15.000	NSH
4	Nhà máy xử lý nước thải		

-	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại xã Đồng Hóa giai đoạn 2	119.292	XHH
-	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại xã Lê Hồ giai đoạn 2	129.233	-Nt-
-	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại xã Nhật Tựu	397.640	-Nt-
-	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại xã Thanh Sơn	59.646	-Nt-
5	<i>Nghĩa trang, xử lý chất thải</i>		
-	Hoàn thiện nghĩa trang đô thị tại xã Tượng Lĩnh	2.000	NSH
-	Đầu tư nghĩa trang khu vực tại thị trấn Quế	5.000	-Nt-
6	<i>Khu công nghiệp - Cụm CN</i>		
-	KCN Kim Bảng II	2.574.450	NSTW, NST
-	KCN Kim Bảng III	953.500	-Nt-
-	KCN Kim Bảng IV	2.860.500	-Nt-
II	Hệ thống công trình hạ tầng xã hội		
1	<i>Công trình văn hóa, thể dục thể thao</i>		
-	Tổ hợp trung tâm hành chính văn hóa đô thị tại xã Ngọc Sơn	50.000	NSH
-	Công viên kết hợp thể thao tại xã Ngọc Sơn, Nhật Tân	50.000	-Nt-
2	<i>Công viên cây xanh</i>		
-	Công viên Ngũ Phúc, xã Đồng Hóa	30.000	NSH, XHH
-	Các công viên, khuôn viên cây xanh mặt nước cấp đô thị trên địa bàn huyện	40.000	XHH
3	<i>Công trình thương mại – dịch vụ</i>		
-	Các công trình thương mại dịch vụ (nhà hàng, khách sạn, trung tâm thương mại dọc các trục đường T3, đường song hành VĐ5...)	60.000	XHH
-	Các công trình thương mại (cây xăng, trạm sạc điện) trên các trục giao thông đô thị	20.000	-Nt-
4	<i>Công trình giáo dục</i>		
-	Đầu tư xây dựng trường dạy nghề, đào tạo chuyên sâu	70.000	NST, XHH
-	Các dự án trường liên cấp tư thục hoặc chất lượng cao được xác định theo quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được duyệt	141.380	XHH
5	<i>Chỉnh trang đô thị</i>		
-	Cải tạo vỉa hè trên các tuyến trục chính	5.000	NSH

-	Dự án chỉnh trang đô thị khu vực trung tâm	10.000	-Nt-
6	Cải tạo phục hồi môi trường, cảnh quan các khu vực đóng cửa mỏ		XHH
	Tổng cộng	14.452.033	